TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHƯỚC LONG** **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 14 – 3 – 2025
Về việc ly hôn, nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC LONG, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Đào

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Mai Quốc Bảo

2. Bà Võ Tuyết Kha

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Diễm Hằng, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông Võ Minh Trí - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phước Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 376/2024/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2024 về việc "Ly hôn, nuôi con chung", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lý Tuyết N, sinh năm 1980

Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1979

Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

(Chị N, anh D có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 15 tháng 10 năm 2024 và lời khai tại Tòa án nguyên đơn chị Lý Tuyết N trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn D tự nguyện chung sống vợ chồng từ năm 2003, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán tại địa phương nhưng không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu, vợ chồng chị chung sống hạnh phúc. Đến khoảng năm 2019, chị và anh D bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm. Vì vậy, chị và anh D ly thân đến

khoảng năm 2022 có hàn gắn với nhau về sống chung nhưng đến năm 2023 thì chị và anh D cũng tiếp tục mâu thuẫn nên đã ly thân từ năm 2023 đến nay. Trong thời gian ly thân chị và anh D có liên lạc nhưng không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn D. Về con chung: Chị và anh D có một người con chung tên Nguyễn Mỹ H, sinh ngày 17/12/2004, hiện nay đang sống chung với chị. Do cháu H đã trưởng thành nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn anh Nguyễn Văn D trình bày: Anh thống nhất với lời trình bày của chị N về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung. Do bất đồng quan điểm, cuộc sống chung không hạnh phúc. Nay chị N yêu cầu ly hôn với anh thì anh đồng ý. Về con chung, anh và chị Lý Tuyết N có một người con chung tên Nguyễn Mỹ H, sinh ngày 17/12/2004. Hiện nay cháu H đã trưởng thành nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng được quy định tại Điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Về hôn nhân: Căn cứ khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, tuyên bố không công nhận chị N và anh D là vợ chồng. Về con chung: Cháu Nguyễn Mỹ H, sinh ngày 17/12/2004 đã trưởng thành, đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết. Tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết. Về án phí, chị N phải chịu 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án; sau khi nghe ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, sau khi thảo luận Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thẩm quyền xét xử: Chị N khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh D. Khi khởi kiện, anh D trú tại ấp P, xã P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Phước Long thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Chị N và anh D đều có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị N và anh D theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Xét thấy, chị N và anh D có đủ điều kiện kết hôn theo quy định nhưng chị N và anh D chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2003 và đã có một con chung mà không đăng ký kết hôn nên hôn nhân giữa chị N và anh D là hôn nhân không hợp pháp, không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ chồng. Nay chị N yêu cầu ly hôn, căn cứ khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình 2014, Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị N và anh D.

[4] Về con chung: Quá trình chung sống, chị N và anh D có 01 người con là cháu Nguyễn Mỹ H, sinh ngày 17/12/2004, hiện cháu H đã trưởng thành, chị N và anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị N và anh D đều xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và Gia đình: Chị N phải chịu 300.000 đồng. Chị N đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0003026 ngày 06 tháng 12 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phước Long được chuyển thu án phí.

[7] Từ những phân tích trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận chị Lý Tuyết N và anh Nguyễn Văn D là vợ chồng.

2. Về con chung: Cháu Nguyễn Mỹ H, sinh ngày 17/12/2004 đã trưởng thành và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Lý Tuyết N và anh Nguyễn Văn D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và gia đình: Chị Lý Tuyết N phải chịu số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Chị Lý Tuyết N đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0003026 ngày 06

tháng 12 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phước Long được chuyển thu án phí. Anh Nguyễn Văn D không phải chịu án phí.

5. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Phước Long;
- Chi Cục THADS huyện Phước Long;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

Nguyễn Hồng Đào